

MÃ ĐỀ 104

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:Lớp:Phòng thi:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là

- A. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
- B. hiệu số giữa người xuất cư, nhập cư.
- C. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
- D. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.

Câu 2. Các vật nuôi nào sau đây thuộc gia súc nhỏ?

- A. Trâu, dê, cừu.
- B. Lợn, cừu, dê.
- C. Gà, lợn, cừu.
- D. Bò, lợn, dê.

Câu 3. Cơ cấu ngành kinh tế gồm các bộ phận nào sau đây?

- A. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực ngoài nước.
- B. Nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
- C. Nông - lâm - ngư nghiệp, khu vực ở trong nước và dịch vụ.
- D. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực trong nước.

Câu 4. Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng được coi là

- A. tư liệu sản xuất.
- B. cơ sở vật chất.
- C. đối tượng lao động.
- D. công cụ lao động.

Câu 5. Cơ cấu kinh tế nào sau đây được hình thành dựa trên chế độ sở hữu?

- A. Cơ cấu thành phần kinh tế.
- B. Cơ cấu ngành kinh tế.
- C. Cơ cấu lãnh thổ.
- D. Cơ cấu lao động.

Câu 6. Tiêu chí nào sau đây được sử dụng để thể hiện tình hình phân bố dân cư?

- A. Mật độ dân số.
- B. Quy mô dân số
- C. Cơ cấu dân số
- D. Loại quần cư.

Câu 7. Mật độ dân số được tính bằng

- A. số dân trên một đơn vị diện tích.
- B. dân số trên một diện tích đất canh tác.
- C. số lao động tính trên đơn vị diện tích.
- D. số người sinh ra trên một quốc gia.

Câu 8. Cây lương thực bao gồm

- A. lúa gạo, lúa mì, ngô.
- B. lúa gạo, lúa mì, lạc.
- C. lúa gạo, lúa mì, đậu.
- D. lúa gạo, lúa mì, mía.

Câu 9. Ngành nông nghiệp có vai trò

- A. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
- B. vận chuyển người và hàng hóa.
- C. cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế.
- D. cung cấp thiết bị, máy móc cho con người.

Câu 10. Căn cứ nào sau đây để phân chia thành nguồn lực trong nước và ngoài nước?

- A. Nguồn gốc.
- B. Thời gian.
- C. Phạm vi lãnh thổ.
- D. Mức độ ảnh

hưởng.

Câu 11. Lúa mì phân bố tập trung ở miền

- A. nhiệt đới và ôn đới.
- B. cận nhiệt và nhiệt đới.
- C. ôn đới và hàn đới.
- D. ôn đới và cận nhiệt.

Câu 12. Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng nhanh là biểu hiện rõ nét của quá trình

- A. đô thị hóa.
- B. hiện đại hóa.
- C. thương mại hoá.
- D. công nghiệp hóa

- Câu 13.** Khu vực có mật độ dân số thấp nhất thế giới hiện nay là
 A. Trung Phi. B. Bắc Mỹ. C. Trung - Nam Á. D. châu Đại Dương.
- Câu 14.** Vai trò quan trọng của rừng đối với sản xuất và đời sống là
 A. lá phổi xanh cân bằng sinh thái. B. bảo vệ đất đai, chống xói mòn.
 C. cung cấp lâm, đặc sản; dược liệu. D. điều hòa lượng nước trên mặt đất.
- Câu 15.** Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm so với dân số trung bình ở
 A. cùng thời điểm. B. vào cuối năm. C. lúc giữa năm. D. vào đầu năm.
- Câu 16.** Phát biểu nào sau **không** đúng về vai trò của cây công nghiệp?
 A. Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
 B. Cung cấp lương thực cho con người.
 C. Góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên đất.
 D. Là các mặt hàng xuất khẩu quan trọng.
- Câu 17.** Cơ cấu nền kinh tế bao gồm
 A. Khu vực kinh tế trong nước, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
 B. Toàn cầu và khu vực, quốc gia, vùng.
 C. Ngành kinh tế, thành phần kinh tế, cấu lãnh thổ.
 D. Nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ.
- Câu 18.** Nhân tố ảnh hưởng làm cho sản xuất nông nghiệp có tính bất bình là
 A. khí hậu. B. sinh vật. C. nguồn nước. D. đất đai.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tỉ suất sinh thô cho biết cứ 1000 dân, có bao nhiêu trẻ em sinh ra sống trong năm. Năm 2020, tỉ suất sinh thô trên thế giới khoảng 19‰; trong đó các nước phát triển khoảng 10‰, các nước đang phát triển khoảng 20‰. Tỉ suất sinh thô trên thế giới có xu hướng giảm ở cả nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển.

- Tỉ suất sinh thô trên thế giới có xu hướng giảm.
- Tỉ suất sinh thô các nước phát triển thấp hơn các nước đang phát triển.
- Đơn vị tính tỉ suất sinh thô là phần nghìn.
- Tỉ suất sinh thô của Việt Nam tăng nhanh.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và có tính mùa vụ. Tuy nhiên, với sự phát triển của khoa học - công nghệ, sự phụ thuộc của ngành vào điều kiện tự nhiên ngày càng giảm.

- Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản không phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
- Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tính mùa vụ rõ rệt.
- Với sự phát triển của khoa học - công nghệ, sự phụ thuộc của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản vào điều kiện tự nhiên ngày càng tăng.
- Khoa học - công nghệ phát triển giúp ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ngày càng có năng suất cao và giảm ảnh hưởng của thiên tai.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

(Đơn vị: USD)

Năm	2010	2013	2015	2016
Ma-lai-xi-a	9 071	10 882	9 649	9 508
Xin-ga-po	46 570	56 029	53 630	52 962
Việt Nam	1 273	1 907	2 109	2 215

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

- GDP bình quân đầu người năm 2016 của Ma lai xia thấp hơn Việt Nam.
- GDP bình quân đầu người năm 2016 của Xin-ga-po cao hơn Ma lai xia và Việt Nam
- Từ năm 2013-2016 GDP bình quân đầu người của các nước đều tăng.
- GDP bình quân đầu người của Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2016 của Việt Nam tăng.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA ANH VÀ IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, NĂM 2020

(Đơn vị: %)

Quốc gia	Anh	In-đô-nê-xi-a
Ngành kinh tế		
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	0,6	13,7
Công nghiệp, xây dựng	17,1	38,3
Dịch vụ	72,8	44,4
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9,5	3,6

a) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thấp nhất trong cơ cấu GDP của Anh và thấp hơn In-đô-nê-xi-a.

b) Tỷ trọng dịch vụ cao nhất trong cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a nhưng thấp hơn Anh.

c) Tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thấp nhất trong cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a và cao hơn Anh.

d) Tỷ trọng ngành công nghiệp cao nhất trong cơ cấu GDP của Anh.

Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Biết tổng số dân của Mi-an-ma là 55,5 triệu người, sản lượng lúa là 26,3 triệu tấn (năm 2021). Hãy cho biết sản lượng lúa bình quân theo đầu người của Mi-an-ma năm 2021 là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của kg/người)

Câu 2:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

Năm	2010	2012	2014	2016	2018
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	16,3	13,4	17,2	14,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô của nước ta năm 2018 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA, NĂM 2021 (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)

Năm	2021
Tổng số	8479,7
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1065,1
Công nghiệp và xây dựng	3177,9
Dịch vụ	3494,3
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	742,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP của nước ta năm 2021

Câu 4 Thái Lan có diện tích 513 100 km², dân số năm 2018 là 69 400 000 người. Mật độ dân số Thái Lan là bao nhiêu? (làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 5 Cho biết tổng số dân Phi-lip-pin năm 2018 là 106,7 triệu người. Số dân thành thị là 50,0 triệu người. Tính tỷ lệ dân thành thị của Phi-lip-pin năm 2018. (làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 6 Cho bảng số liệu

TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1950 - 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1950	1970	1990	2020
Tổng số dân	2536	3700	5372	7795
Số dân thành thị	751	1354	2290	4379

Từ năm 1950 đến năm 2020 dân số thành thị thế giới tăng bao nhiêu triệu người.

----- HẾT -----